

QUYẾT ĐỊNH
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 264/2006/QĐ-TTg NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 2006
VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ BÁO TIN ĐỘNG ĐẤT, CẢNH BÁO SÓNG THẦN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế báo tin động đất, cảnh báo sóng thần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế báo tin động đất, cảnh báo sóng thần ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng ban Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
BÁO TIN ĐỘNG ĐẤT, CẢNH BÁO SÓNG THẦN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 264/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nội dung công tác báo tin động đất, cảnh báo sóng thần quy định trong Quy chế này bao gồm việc thường xuyên theo dõi, thu thập, xử lý thông tin, ra các thông báo về động đất, cảnh báo sóng thần và việc chuyển các tin đó đến các cơ quan nhà nước có liên quan, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân để phục vụ công tác phòng, tránh, cứu hộ, cứu nạn, giảm nhẹ thiệt hại do động đất, sóng thần gây ra. Quy chế báo tin động đất, cảnh báo sóng thần này được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Những trận động đất có cường độ bằng hoặc lớn hơn 3,5 độ Richter xảy ra trên đất liền và vùng biển Đông gần bờ;

b) Hoạt động núi lửa và những trận động đất có cường độ lớn hơn 6,5 độ Richter xảy ra ở các vùng biển khác nhưng có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến bờ biển và hải đảo Việt Nam;

c) Những cơn sóng thần xảy ra do động đất ở vùng biển xa, có khả năng ảnh hưởng đến bờ biển và hải đảo Việt Nam.

2. Quy chế này quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác phối hợp báo tin động đất, cảnh báo sóng thần.

3. Trường hợp sóng thần do động đất gần bờ gây ra không áp dụng theo quy định của Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sóng thần là sóng biển chu kỳ dài, lan truyền với vận tốc lớn (có khi đến 800km/giờ). Khi tới bờ, phụ thuộc vào độ sâu của biển và địa hình vùng bờ, sóng thần có thể đạt độ cao lớn, tới hàng chục mét, tràn sâu vào đất liền, gây ra thảm họa. Sóng thần được quy định trong Quy chế này là sóng thần gây ra bởi động đất hoặc hoạt động của núi lửa.

2. Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần là vùng đất liền nằm trong phạm vi sóng thần có thể lan truyền tới và gây thiệt hại (khoảng cách tối đa là 1km tính từ bờ biển).

Các vùng biển Việt Nam có khả năng chịu ảnh hưởng của sóng thần được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

3. Động đất (còn gọi là địa chấn) là sự rung động mặt đất, gây ra bởi các dịch chuyển đột ngột của các địa khối theo các đứt gãy địa chất trong lòng đất (gọi là động đất kiến tạo), các vụ nổ núi lửa (gọi là động đất núi lửa), các vụ sụp đổ hang động, các vụ trượt lở đất, thiên thạch và các vụ nổ nhân tạo.

4. Chấn tiêu là nơi phát sinh động đất, nơi năng lượng động đất được giải phóng và truyền ra không gian xung quanh dưới dạng sóng đàn hồi, gây rung động mặt đất.

5. Chấn tâm là hình chiếu theo chiều thẳng đứng của chấn tiêu trên mặt đất.

6. Độ sâu chấn tiêu là khoảng cách từ chấn tiêu đến chấn tâm.

7. Khoảng cách chấn tiêu là khoảng cách từ chấn tiêu đến điểm quan sát.

8. Khoảng cách chấn tâm là khoảng cách từ chấn tâm đến điểm quan sát.

9. Cường độ động đất là đại lượng đo độ lớn động đất về năng lượng mà nó phát ra dưới dạng sóng đàn hồi. Cường độ động đất đo theo thang độ Richter, có giá trị bằng logarit cơ số 10 của biên độ cực đại, đo bằng micron, thành phần nằm ngang của sóng địa chấn trên băng ghi của máy địa chấn chu kỳ ngắn chuẩn Wood Andersen ở khoảng cách 100km từ chấn tâm.

10. Cấp động đất là đại lượng biểu thị cường độ chấn động mà nó gây ra trên mặt đất và được đánh giá theo các thang phân bậc mức độ tác động của động đất đối với các kiểu nhà cửa, công trình, đồ vật, súc vật, con người và biến dạng mặt đất. Cấp động đất được đánh giá bằng thang MSK-64 (Medvedev-Sponheuer-Karnik), chia cường độ chấn động thành 12 cấp và được ghi tóm tắt tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

Chương II

QUAN TRẮC, THU THẬP THÔNG TIN, PHÁT VÀ TRUYỀN TIN VỀ ĐỘNG ĐẤT, CẢNH BÁO SÓNG THẦN

Điều 3. Quan trắc, thu thập thông tin về động đất, sóng thần

1. Viện Vật lý Địa cầu thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng mạng lưới quan trắc địa chấn phục vụ báo tin động đất.

2. Trung tâm Khí tượng, Thủy văn quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm xây dựng mạng lưới quan trắc và truyền số liệu mực nước biển phục vụ yêu cầu trao đổi quốc tế và phục công tác cảnh báo sóng thần của Viện Vật lý Địa cầu.

3. Viện Vật lý Địa cầu thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin trong và ngoài nước để báo tin động đất, cảnh báo sóng thần; cập nhật các thông tin kịp thời để bổ sung, điều chỉnh bản tin về động đất, cảnh báo sóng thần cho phù hợp với diễn biến tình hình thực tế.

Điều 4. Phát và truyền tin động đất, tin cảnh báo sóng thần

1. Viện Vật lý Địa cầu là cơ quan duy nhất có thẩm quyền phát tin động đất, tin cảnh báo sóng thần trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Tin động đất được báo ngay cho Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn, hệ thống thông tin đại chúng và các cơ quan có tên tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này.

3. Tin cảnh báo sóng thần được báo ngay trên hệ thống báo động trực canh và cho Ban Chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn, hệ thống thông tin đại chúng và các cơ quan có tên tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này.

4. Khi đưa tin động đất, tin cảnh báo sóng thần, Viện Vật lý Địa cầu có trách nhiệm kiểm tra để bảo đảm các tin trên đã đến được hệ thống báo động trực canh và các cơ quan đã nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức, cá nhân khi truyền tin động đất, tin cảnh báo sóng thần phải theo đúng nội dung tin do Viện Vật lý Địa cầu cung cấp.

Điều 5. Phân loại tin động đất

1. "Tin động đất"

"Tin động đất" được phát khi xảy ra động đất trên đất liền và trên biển Đông. Nội dung "Tin động đất" gồm: thời gian xảy ra động đất (theo giờ Hà Nội), địa điểm xảy ra động đất (chấn tâm), độ sâu chấn tiêu, cường độ động đất, cấp động đất ở chấn tâm và các địa phương lân cận, hậu quả có thể xảy ra, khả năng xảy ra dư chấn.

2. "Tin cuối cùng về động đất"

Khi động đất kết thúc (không còn khả năng gây thiệt hại, không có khả năng gây ra sóng thần cho các vùng ven biển Việt Nam) thì phát "Tin cuối cùng về động đất".

Điều 6. Chế độ báo tin động đất

1. Đối với trận động đất có cường độ nhỏ hơn 5,0 độ Richter, "Tin động đất" được phát tin một lần cho các cơ quan tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này. Khi động đất kết thúc thì phát "Tin cuối cùng về động đất".

2. Đối với trận động đất có cường độ bằng hoặc lớn hơn 5,0 độ Richter, "Tin động đất" được thông báo ngay cho Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn và phát tin một lần cho các cơ quan tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này. Khi động đất kết thúc thì phát "Tin cuối cùng về động đất".

3. "Tin động đất" phải được thông báo kịp thời để phục vụ cho các hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả.

Điều 7. Tin cảnh báo sóng thần

Các căn cứ để phát tin cảnh báo sóng thần:

1. Cường độ động đất xảy ra trên biển Đông đã đo được;

2. Tin cảnh báo sóng thần liên quan đến biển Đông do các Trung tâm cảnh báo sóng thần quốc tế cung cấp;

3. Kịch bản cảnh báo sóng thần từ động đất đã được Hội đồng Thẩm định quốc gia thẩm định và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

Điều 8. Phân loại tin cảnh báo sóng thần

1. "Tin cảnh báo sóng thần" theo tin động đất trên biển Đông

Khi động đất trên vùng biển Đông có cường độ lớn hơn 6,5 độ Richter, bên cạnh việc phát "Tin động đất", Viện Vật lý Địa cầu phải lập tức xem xét các kịch bản động đất gây sóng thần để đưa ra "Tin cảnh báo sóng thần" theo tin động đất, với 4 mức sau đây:

- a) "Không có sóng thần", khi động đất xảy ra nhưng không có khả năng gây ra sóng thần;
- b) "Sóng thần yếu", khi động đất có khả năng gây sóng thần và có độ cao tại bờ không quá 0,5m;
- c) "Sóng thần mạnh", khi động đất có khả năng gây sóng thần và có độ cao tại bờ từ 0,5m đến 1m;
- d) "Sóng thần nguy hiểm", khi động đất có khả năng gây sóng thần và có độ cao tại bờ lớn hơn 1m.

2. "Tin cảnh báo sóng thần" theo tin của các Trung tâm cảnh báo sóng thần quốc tế

Ngay khi nhận được thông tin về sóng thần có ảnh hưởng đến bờ biển Việt Nam từ các trung tâm cảnh báo sóng thần quốc tế, phải phát ngay "Tin cảnh báo sóng thần" theo bản tin nhận được (bằng tiếng Việt). Tùy theo độ cao của sóng thần trong bản tin cảnh báo nhận được mà báo tin theo quy định tại các mục a, b, c và d khoản 1 Điều này.

3. "Tin cuối cùng về sóng thần"

Khi không còn khả năng xảy ra sóng thần hoặc sóng thần đã kết thúc hoàn toàn (không còn khả năng ảnh hưởng đến bờ biển Việt Nam) thì phát "Tin cuối cùng về sóng thần".

Điều 9. Nội dung "Tin cảnh báo sóng thần"

Nội dung "Tin cảnh báo sóng thần" bao gồm:

1. Tiêu đề tin, được xác định theo loại tin sóng thần quy định tại Điều 8 Quy chế này.
2. Nhận định về sóng thần:
 - a) Vị trí và thời gian xảy ra động đất gây ra sóng thần;
 - b) Nhận định mức độ nguy hiểm của sóng thần và khu vực có thể bị ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần;
 - c) Nhận định về độ cao sóng thần tại bờ biển và thời gian sẽ ảnh hưởng đến bờ biển gần nhất.
3. Yêu cầu sơ tán, nếu cần thiết.

Mẫu bản "Tin cảnh báo sóng thần" được quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Chế độ báo tin sóng thần

1. Khi phát hiện có khả năng xảy ra sóng thần mạnh hoặc sóng thần nguy hiểm thì phát ngay "Tin cảnh báo sóng thần" cho Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn; phát tin liên tục trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng ở

vùng bờ biển có nguy cơ bị ảnh hưởng của sóng thần (phát thanh, truyền hình địa phương, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống phát thanh nội bộ của các cơ quan, đơn vị), các đài phát thanh, truyền hình Trung ương. Khi sóng thần đã thực sự kết thúc hoặc không có khả năng xảy ra sóng thần thì phát “Tin cuối cùng về sóng thần”.

2. Khi phát hiện có khả năng xảy ra sóng thần yếu thì phát tin 3 lần liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng. Khi sóng thần đã thực sự kết thúc hoặc không có khả năng xảy ra sóng thần thì phát “Tin cuối cùng về sóng thần”.

3. Khi có động đất gần bờ xảy ra, tùy theo tình hình có sóng thần hoặc không có sóng thần để phát "Tin động đất" hoặc “Tin cuối cùng về sóng thần”.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH** **VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC ĐỊA PHƯƠNG VEN BIỂN**

Điều 11. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo tin động đất, cảnh báo sóng thần, có trách nhiệm:

a) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các văn bản quy phạm pháp luật về báo tin động đất, cảnh báo sóng thần;

b) Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về hoạt động báo tin động đất, cảnh báo sóng thần;

c) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định quốc gia các kịch bản cảnh báo sóng thần; quyết định cho phép sử dụng các kịch bản này trong hoạt động cảnh báo sóng thần trong quý I năm 2007;

d) Chủ trì, phối hợp với Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam xây dựng, trình Chính phủ cơ chế, chính sách nhằm tăng cường năng lực báo tin động đất, cảnh báo sóng thần cho các cơ quan thực hiện nhiệm vụ này;

đ) Chỉ đạo Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia tổ chức quan trắc và truyền số liệu mực nước biển phục vụ trao đổi quốc tế và phục vụ công tác cảnh báo sóng thần của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về động đất, sóng thần và hướng dẫn sử dụng tin động đất, sóng thần, nhằm nâng cao ý thức chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu các phương pháp, giải pháp khoa học công nghệ quan trắc động đất và cảnh báo sóng thần.

b) Chủ trì Hội đồng Thẩm định quốc gia thẩm định các kịch bản cảnh báo sóng thần trước khi đưa vào áp dụng.

3. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam:

a) Chỉ đạo Viện Vật lý Địa cầu thực hiện nhiệm vụ báo tin động đất, cảnh báo sóng thần; trong đó có nhiệm vụ xây dựng mạng lưới quan trắc địa chấn, tổ chức thu thập thông tin từ mạng lưới quan trắc địa chấn trong nước và ngoài nước, thu thập thông tin sóng thần từ

mạng lưới quan trắc sóng thần quốc tế và mạng lưới quan trắc mực nước biển trong nước phục vụ báo tin động đất, cảnh báo sóng thần;

b) Xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm để thực hiện các hoạt động báo tin động đất, cảnh báo sóng thần nhanh chóng, chính xác;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tăng cường năng lực báo tin động đất, cảnh báo sóng thần;

d) Nghiên cứu các phương pháp, giải pháp khoa học công nghệ trong công tác báo tin động đất, cảnh báo sóng thần.

4. Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai kịp thời công tác tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả khi có động đất, sóng thần.

b) Cung cấp kịp thời thông tin thực tế liên quan đến động đất, sóng thần cho Viện Vật lý Địa cầu.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng các phương án cứu hộ, cứu nạn cho các vùng có nguy cơ xảy ra động đất, sóng thần.

5. Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương:

a) Phối hợp với Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn và các Bộ, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo việc phòng chống, tổ chức cứu hộ, cứu nạn nhằm giảm thiểu thiệt hại khi có động đất, sóng thần.

b) Cung cấp kịp thời thông tin thực tế liên quan đến sóng thần cho Viện Vật lý Địa cầu.

c) Chỉ đạo xây dựng hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần cho các vùng có nguy cơ.

6. Các cơ quan thông tin đại chúng:

a) Truyền phát kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng các tin động đất, tin cảnh báo sóng thần do Viện Vật lý Địa cầu cung cấp; các mệnh lệnh hoặc các hướng dẫn phòng, tránh, cứu hộ, cứu nạn động đất, sóng thần của Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn gửi đến;

b) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân những kiến thức cơ bản về phòng, tránh động đất, sóng thần, các kinh nghiệm, các điển hình trong công tác phòng tránh và khắc phục hậu quả.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khi xây dựng các kế hoạch, chính sách phải lưu ý việc phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do động đất, sóng thần.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển) duy trì hoạt động của hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần tại địa phương;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển chủ động hướng dẫn nhân dân ven biển sơ tán khi có tin cảnh báo về sóng thần mạnh và nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp tới địa phương;

c) Chỉ đạo Đài Phát thanh, Truyền hình địa phương truyền tin kịp thời đến các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân tại địa phương các tin động đất, sóng thần quy định tại Điều 10 và Điều 13 Quy chế này;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển xây dựng các phương án và tổ chức công tác phòng tránh, tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả khi động đất, sóng thần xảy ra tại địa phương;

đ) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tuyên truyền các kiến thức và kỹ thuật cơ bản phòng tránh động đất, sóng thần, cứu nạn và khắc phục hậu quả thiệt hại do động đất, sóng thần gây ra;

e) Phối hợp với Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương chỉ đạo việc xây dựng hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần cho các vùng có nguy cơ tại địa phương.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển:

a) Duy trì hoạt động của hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần tại địa phương.

b) Truyền kịp thời tin tức đến các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế, xã hội và nhân dân tại địa phương các tin động đất, sóng thần quy định tại Điều 9 và Điều 12 Quy chế này.

c) Hướng dẫn nhân dân ven biển sơ tán khi có tin cảnh báo sóng thần mạnh và nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp tới địa phương.

d) Xây dựng các phương án và tổ chức công tác phòng tránh, tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả khi động đất, sóng thần xảy ra tại địa phương.

đ) Tuyên truyền các kiến thức và kỹ thuật cơ bản phòng tránh động đất, sóng thần, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiệt hại do động đất, sóng thần gây ra.

e) Xây dựng hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần và các thiên tai ven biển khác cho các vùng có nguy cơ tại địa phương theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương.

g) Thông báo kịp thời đến các cơ quan chỉ đạo cấp trên tình hình thực tế về động đất, sóng thần tại địa phương.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Các phụ lục của Quy chế

Ban hành kèm theo Quy chế này 4 Phụ lục sau:

1. Phụ lục I: thang cấp động đất theo thang động đất quốc tế MSK64.
2. Phụ lục II: sơ đồ khu vực theo dõi cảnh báo sóng thần trên Biển Đông.
3. Phụ lục III: danh sách cơ quan được cung cấp tin động đất, sóng thần.
4. Phụ lục IV: mẫu bản tin cảnh báo sóng thần.

Điều 14. Tổ chức thực hiện Quy chế

1. Quy chế này được thực hiện theo hai bước:

a) Bước I từ khi Quy chế này có hiệu lực thi hành đến tháng 6 năm 2008: thực hiện việc báo tin động đất theo tin từ mạng lưới địa chấn trong nước và quốc tế; cảnh báo sóng thần theo tin cảnh báo từ các trung tâm cảnh báo sóng thần quốc tế thông qua hệ thống thông tin đại chúng;

b) Bước II từ tháng 7 năm 2008 trở đi: bổ sung việc cảnh báo sóng thần (cùng với tin động đất) theo các kịch bản cảnh báo sóng thần và thông qua hệ thống báo động trực canh.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trong phạm vi cả nước; báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Quy chế và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung khi cần thiết./.

THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I
THANG CẤP ĐỘNG ĐẤT THEO THANG ĐỘNG ĐẤT QUỐC TẾ MSK64
(Ban hành kèm theo Quyết định số 264/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

Cấp động đất (I)	Gia tốc nền a(%g*)	Mô tả các dấu hiệu
I		Động đất không cảm thấy Độ mạnh của dao động dưới giới hạn cảm thấy; chỉ có máy mới phát hiện và ghi nhận được các chấn động của đất.
II		Động đất ít cảm thấy (rất nhẹ) Động đất chỉ cảm thấy bởi những người riêng lẻ ở yên tĩnh trong nhà, đặc biệt là ở gác trên cùng.
III		Động đất yếu Động đất cảm thấy ở trong nhà bởi ít người, ở ngoài trời, chỉ trong những điều kiện thuận lợi. Chấn động y như tạo nên bởi một xe ô tô vận tải nhẹ chạy qua. Người tinh ý nhận thấy đồ vật treo đu đưa nhẹ, ở gác trên cùng thì đu đưa mạnh hơn chút ít.
IV		Động đất nhận thấy rõ Động đất cảm thấy ở trong nhà bởi nhiều người; ở ngoài trời bởi ít người. Đây đó, có người ngủ bị tỉnh giấc song chẳng ai sợ hãi cả. Chấn động y như tạo nên bởi một xe ô tô vận tải nặng chạy qua. Cửa kính, cửa ra vào, bát, đĩa đập lạch cạch. Sân và tường nhà cột kẹt. Bàn ghế đồ đạc bắt đầu rung chuyển. Đồ vật treo đu đưa nhẹ. Nước đựng trong vật hồ hơi sóng sánh. Động đất nhận thấy được trong ô tô đỗ.
V	0.015 - 0.030	Thức tỉnh Động đất cảm thấy ở trong nhà bởi mọi người, ở ngoài trời bởi nhiều người. Nhiều người như bị tỉnh giấc. Một số ít người chạy ra khỏi nhà. Súc vật nhón nháo. Nhà rung toàn bộ. Đồ vật treo đu đưa mạnh. Khung treo nhích khỏi chỗ. Trong trường hợp hiếm gặp, đồng hồ quả lắc dừng lại. Một vài vật không vững bị lật đổ hay xô dịch. Cửa sổ và cửa ra vào chưa cài bị mở toang rồi lại đóng sầm vào. Nước đựng đầy trong bình hồ bị sánh ra ngoài một chút. Chấn động y như tạo nên bởi những đồ vật nặng rơi trong nhà.
VI	0.03 - 0.06	Sợ hãi a) ở trong nhà cũng như ở ngoài trời, đa số người cảm thấy động đất. Nhiều người, đang ở trong nhà, sợ hãi và bỏ chạy ra ngoài phố. Một số ít người bị mất thăng bằng. Gia súc tháo chạy khỏi chuồng. Trong một số ít trường hợp, bát, đĩa và đồ vật bằng thủy tinh có thể bị vỡ; sách trên giá bị rơi xuống. Bàn ghế, đồ đạc nặng có thể di chuyển. Có thể nghe thấy tiếng của những chuông nhỏ trên tháp chuông vang lên. a) ít nhà kiểu B và nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 1; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 2. b) Trong một số ít trường hợp ở đất ẩm có thể có vết nứt rộng tới 1cm; ở miền núi, có trượt đất. Thay đổi lưu lượng nguồn nước và mực nước dưới giếng.
VII	0.06 - 0.12	Hư hại nhà cửa a) Đa số người sợ hãi và chạy ra khỏi nhà. Nhiều người khó

		<p>đứng vững. Người lái xe ô tô cũng nhận biết được động đất. Chuông lớn kêu vang.</p> <p>b) Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 1; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 2; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4. Trong những trường hợp riêng lẻ, có trượt đất ở đoạn đường trên sườn dốc đứng và có vết nứt ở đường đi. Có hư hại ở chỗ nối ống dẫn; có vết nứt ở hàng rào bằng đá.</p> <p>c) Nổi sóng trên mặt nước; nước trở thành vẩn đục vì bùn bị khuấy lên. Thay đổi mực nước dưới giếng và lưu lượng nguồn nước. Trong một số ít trường hợp, xuất hiện nguồn nước mới hoặc biến mất nguồn nước cũ. Trong những trường hợp riêng lẻ, có trượt đất ở bờ sông bằng cát hay cuội.</p>
VIII	0.12 - 0.24	<p>Phá hoại nhà cửa</p> <p>a) Sợ hãi và khủng khiếp; ngay cả người đang lái xe ô tô cũng lo ngại. Cây đổ, cành cây bị gãy. Bàn, ghế, đồ đạc nặng bị xô dịch và đôi khi bị lật đổ. Một số đèn treo bị hư hại.</p> <p>b) Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 2, một số ít bậc 3; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5. Có trường hợp gãy chỗ nối ống dẫn. Đài và tượng kỷ niệm bị di chuyển. Bia đá bị đổ. Hàng rào bằng đá bị phá hoại.</p> <p>c) Trượt đất nhỏ ở sườn dốc đứng, ở chỗ hõm sâu và ở chỗ ụ của đường đi, nền đất bị nứt rộng tới vài cm. Xuất hiện bề nước mới. Đôi khi giếng cạn lại đầy nước hoặc giếng đang có nước lại bị khô. Trong nhiều trường hợp, thay đổi lưu lượng nguồn nước và mực nước dưới giếng.</p>
IX	0.24 - 0.48	<p>Hư hại hoàn toàn nhà cửa</p> <p>a) Khủng khiếp hoàn toàn. Bàn, ghế đồ đạc bị hư hại nặng. Súc vật chạy nhón nháo và kêu rống lên.</p> <p>b) Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 5. Đài kỷ niệm bị lật đổ, hư hại nặng bề nước nhân tạo; đứt gãy một phần ống dẫn ngầm. Có trường hợp đường sắt bị uốn cong và đường đi bị hư hại.</p> <p>c) ở đồng bằng ngập nước thường thấy rõ những chỗ cát và bùn bị bồi lên. Nền đất bị nứt rộng tới 10cm; còn ở sườn và bờ sông, quá 10cm; ngoài ra, còn nhiều vết rạn ở nền đất. Đá tảng bị sụt lở; có nhiều chỗ đất trượt và lở. Sóng to trên mặt nước.</p>

X	a) 0.48- 0.80)	<p>Phá hoại hoàn toàn nhà cửa</p> <p>Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 5; đa số nhà kiểu A bị hư hại bậc 5. Hư hại, nguy hiểm cho đê và đập; hư hại nặng cho cầu. Đường sắt hơi bị cong. Ống dẫn ngầm bị cong hay gãy. Lốp đá phủ và lốp nhựa đường đi tạo thành một mặt lượn sóng.</p> <p>Nền đất bị nứt rộng vài deximet và trong vài trường hợp tới 1m. Song song với lòng các dòng nước chảy, xuất hiện những đứt gãy rộng. Lở đá bờ từ sườn dốc đứng. Có thể có trượt đất lớn ở bờ sông và bờ biển dốc đứng. Sánh nước ra ngoài kênh, hồ, sông ... xuất hiện hồ nước mới.</p>
XI	a) > 0.8 b)	<p>Thảm họa</p> <p>Hư hại nặng ngay cả nhà xây tốt, cầu, đập nước và đường sắt; đường rải đá bị hỏng không dùng được nữa; ống dẫn ngầm bị phá hoại.</p> <p>Mặt đất bị biến dạng to thành vết nứt rộng, đứt gãy và di động theo các phương đứng thẳng và nằm ngang; núi sụt lở ở nhiều nơi. Muốn định cấp độ mạnh cần có khảo sát đặc biệt.</p>
XII	a) b)	<p>Thay đổi địa hình</p> <p>Hư hại nặng hay phá hoại thực sự mọi công trình ở trên và dưới mặt đất.</p> <p>Thay đổi hẳn mặt đất. Nền đất bị nứt lớn, bị di động theo các phương thẳng đứng và nằm ngang. Núi và bờ sông sụt lở trên những diện tích lớn. Xuất hiện hồ, hình thành thác, thay đổi dòng sông. Muốn định cấp độ mạnh cần có khảo sát đặc biệt.</p>

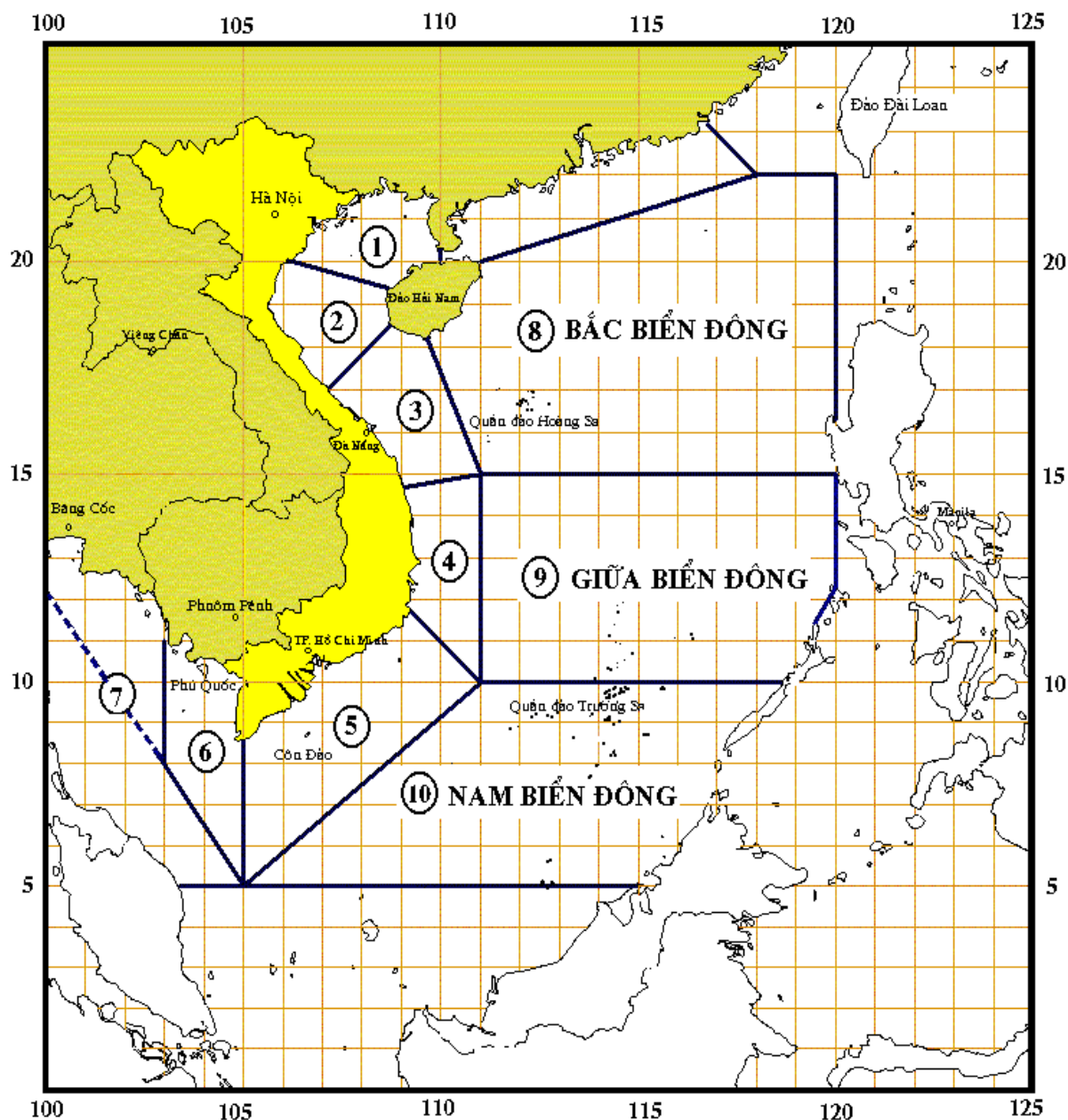
* g là gia tốc trọng trường bằng 9,83m/s²

Giữa cấp động đất I (theo thang MSK. 1964) và cường độ động đất M (theo cường độ Richter) có mối liên hệ:

$$I=1,45 M-3,2 \log \sqrt{\Delta^2 + h^2} + 2,8$$

Trong đó: Δ là khoảng cách chấn tâm, h là độ sâu chấn tiêu.

Phụ lục II
SƠ ĐỒ KHU VỰC THEO DÕI CẢNH BÁO SÓNG THẦN TRÊN BIỂN ĐÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 264/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)



Chú thích:

① Bắc Vịnh Bắc Bộ	⑥ Vùng biển từ Cà Mau đến Kiên Giang
② Nam Vịnh Bắc Bộ	⑦ Vịnh Thái Lan
③ Vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi	⑧ Bắc biển Đông
④ Vùng biển từ Bình Định đến Ninh Thuận	⑨ Giữa biển Đông
⑤ Vùng biển từ Bình Thuận đến Cà Mau	⑩ Nam biển Đông

Phụ lục III
DANH SÁCH CƠ QUAN ĐƯỢC CUNG CẤP
TIN ĐỘNG ĐẤT, SÓNG THẦN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 264/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ quan	Phương thức cung cấp thông tin
1	Văn phòng Trung ương Đảng	Viện Vật lý Địa cầu (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam) chuyển tin đến
2	Văn phòng Chính phủ	
3	Ủy ban nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng của động đất, có khả năng chịu ảnh hưởng của sóng thần	
4	Đài Tiếng nói Việt Nam	
5	Đài Truyền hình Việt Nam	
6	Bộ Tài nguyên và Môi Trường	
7	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
8	Bộ Quốc phòng	
9	Bộ Công an	
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11	Bộ Bưu chính, Viễn thông	
12	Các cơ quan khác	Theo thoả thuận với Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục IV
MẪU BẢN TIN CẢNH BÁO SÓNG THẦN
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 264/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

a) Không có sóng thần: một trận động đất có cường độ xảy ra ngoài khơi vào ...giờ ... phút ngày.... Trận động đất này không gây sóng thần.

b) Sóng thần yếu: một trận động đất cường độ.....đã xảy ra ngoài khơivào ...giờ...phút ngàyTrận động đất này gây ra sóng thần yếu tại bờ biển....Yêu cầu nhân dân tránh xa các bãi biển để sơ tán vào trong đất liền.

c) Sóng thần mạnh: một trận động đất cường độ đã xảy ra ngoài khơivào ... giờ ... phút ngày.... Trận động đất này gây ra sóng thần mạnh có độ cao ...tại bờ biển Sau ... (giờ, phút), sóng thần sẽ lan truyền tới ... với độ cao cao ,Yêu cầu nhân dân sơ tán vào trong vào trong đất liền với khoảng cách...từ bờ biển hoặc lên các vùng đất cao trên mặt biển.

d) Sóng thần nguy hiểm: một trận động đất rất mạnh có cường độ ...đã xảy ra ngoài khơi...vào ...giờ... phút ngày...Trận động đất này gây ra sóng thần sẽ lan truyền tới...với độ cao....Sau... (giờ, phút), sóng thần sẽ lan truyền tới... với độ cao.....Yêu cầu nhân dân sơ tán vào trong đất liền với khoảng cách....từ bờ biển hoặc lên các vùng đất cao....trên biển./.